

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN - QUẢNG NGÃI**



BIA SAIGON®

TÀI LIỆU:

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - QUẢNG NGÃI**

Tp. Quảng Ngãi, 4/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: KCN Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.

Tel: +84.55.6250905; 6250906 Fax: +84.55.6250910

Email: beer@sabecoquangngai.com.vn; Website: www.sabecoquangngai.com.vn

GCN ĐKKD số 4300338460 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 01/11/2012

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – QUẢNG NGÃI

1. Chương trình Đại hội.
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý điều hành Công ty nhiệm kỳ 2012 – 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2017.
3. Báo cáo của Ban Giám đốc về tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2012-2017 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2017.
4. Báo cáo của Ban kiểm soát về thẩm định hoạt động tài chính và công tác kiểm soát nhiệm kỳ 2012-2017, Kế hoạch hoạt động năm 2017.(đính kèm Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán).
5. Báo cáo đề án nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022.
6. Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC Công ty năm 2017.
7. Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2016 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2017.
8. Tờ trình quyết toán thù lao năm 2016 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2017 của HĐQT, BKS.
9. Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017-2022 (các biểu mẫu đính kèm).
10. Quy chế tổ chức Đại hội.

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 04 năm 2017

**CHƯƠNG TRÌNH
 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
 CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – QUẢNG NGÃI
 (Ngày 15 tháng 04 năm 2017)**

STT	Nội dung	Thời gian	Thực hiện
I.	CHUẨN BỊ		
1.	Đón tiếp đại biểu, kiểm tra tư cách cổ đông, gửi tài liệu	08h00 – 08h15	Ban KTTC CD
II.	KHAI MẠC ĐẠI HỘI		
1.	Văn nghệ chào mừng.	08h15 – 09h00	BTC
2.	Tuyên bố lý do. Giới thiệu đại biểu, khách mời.		BTC
3.	Giới thiệu Ban kiểm tra tư cách cổ đông.		BTC
4.	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự ĐH.		Ban KTTC CD
5.	Giới thiệu Chủ tọa, Thư ký Đại hội.		BTC
III.	NỘI DUNG ĐẠI HỘI		
1.	Giới thiệu chương trình làm việc của ĐH.	09h00 – 09h30	Chủ tọa
2.	Giới thiệu Quy chế làm việc tại Đại hội và Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017-2022.		Chủ tọa
3.	Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý điều hành Công ty nhiệm kỳ 2012 – 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2017.		Chủ tịch HĐQT
4.	Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2012-2017 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2017.		Giám đốc
5.	Báo cáo của Ban kiểm soát về thẩm định hoạt động tài chính và công tác kiểm soát nhiệm kỳ 2012-2017 – Kế hoạch hoạt động, kiểm soát năm 2017 (Báo cáo Tài chính năm 2016 đính kèm)		Ban Kiểm soát
6.	Báo cáo đề án nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017-2022		Chủ tọa
7.	Đại hội tiến hành bầu cử TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017-2022	09h30-10h00	Ban kiểm phiếu
8.	Tóm tắt các tờ trình cần xin ý kiến của Đại hội.	10h00-10h45	Lãnh đạo TCT
9.	Đại hội thảo luận nội dung các báo cáo, tờ trình.		
10.	Chủ tọa (hoặc người được chủ tọa yêu cầu) giải đáp ý kiến của các cổ đông.		Chủ tọa
11.	ĐH biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình.	10h45-11h00	
12.	Công bố kết quả bầu cử TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017-2022		Ban kiểm phiếu
13.	Phát biểu của Lãnh đạo Tổng Công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn.		
14.	Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới ra mắt Đại hội		
15.	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.		Thư ký ĐH
IV.	BẾ MẠC ĐẠI HỘI	11h00	Ban tổ chức

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 CHỦ TỊCH**



Bùi Ngọc Hạnh

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 04 năm 2017

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY NHIỆM KỲ 2012 - 2017
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017**

Kính thưa: Quý Cổ Đông Công ty CP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thực hiện Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi, quy định về chức năng nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị trong việc Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT. Tôi xin thay mặt Hội đồng quản trị trình bày báo cáo công tác điều hành, quản lý và giám sát của HĐQT nhiệm kỳ 2012-2017 như sau:

A. CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NHIỆM KỲ 2012-2017

1. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh tài chính năm 2016 và kết quả thực hiện nhiệm kỳ 5 năm (2012 – 2017):

Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi từ khi đi vào hoạt động năm 2011, gặp vô cùng khó khăn từ sản xuất đến tiêu thụ. Sản lượng sản xuất và giao hàng hàng năm chỉ đạt từ 50 – 60% công suất thiết kế. Từ giữa năm 2012, được HĐQT và lãnh đạo Tổng công ty quan tâm hỗ trợ về sản lượng, tài chính nên từng bước vượt qua khó khăn đến năm 2013 bắt đầu đã có lãi, năm 2014 đã có thặng dư để trả cổ tức cho cổ đông.

Năm 2015, 2016 là năm gặp khó khăn đối với ngành bia do ảnh hưởng của tình hình các chế tài về sử dụng rượu bia của các cơ quan quản lý và các chính sách thuế suất thuế TTDB đối với ngành bia ngày càng tăng.

Ngày càng nhiều hãng bia nước ngoài xây dựng nhà máy sản xuất bia tại Việt nam, bia nhập khẩu ...

Tuy nhiên, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể CB-CNV công ty đã quyết tâm vượt qua khó khăn, nắm bắt cơ hội và đã hoàn thành vượt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra cho từng năm và năm 2016 công ty đã khai thác vượt công suất đạt 111 triệu lít bia/năm .

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam năm 2016 và số liệu lũy kế của 5 năm đã được kiểm toán từ (2012 – 2016) như sau:

- + Năm 2015, Phê duyệt Xây dựng Nhà văn phòng, Quy hoạch thiết kế và đầu tư hạ tầng mặt bằng phía Bắc; Đã hoàn thành đi vào sử dụng tháng 2/2016.
- + Năm 2016, Phê duyệt Đầu tư bổ sung thiết bị nâng cao chất lượng bia và tiết kiệm năng lượng. Tổng chi phí đầu tư: 64.000.000 đồng, dự kiến tháng 5/2017 đưa vào sử dụng.
- + Thống nhất chủ trương đầu tư giai đoạn II, mở rộng nâng công suất Nhà máy lên 200 triệu lít/năm; Đang chờ ý kiến cho chủ trương của Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn.
- + Tháng 2/2017, Thực hiện đăng ký toàn bộ 45.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký toàn bộ 45.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi trên Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (UPCoM);

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò định hướng, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD, đầu tư của Công ty. Các Nghị quyết, quyết định HĐQT ban hành liên quan đến lĩnh vực đầu tư, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh phù hợp với quy chế, quy định hiện hành của công ty, Tổng công ty và pháp luật.

HĐQT chỉ đạo Ban điều hành chủ động phối hợp với tổ chức Đảng, đoàn thể công ty trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ. Công tác sử dụng cán bộ, đào tạo, quy hoạch cán bộ, chăm lo đời sống vật chất tinh thần, thu nhập cho người lao động. Tất cả chủ trương, quyết nghị của HĐQT đều được sự đồng thuận nhất trí cao của tất cả thành viên HĐQT nên việc thực hiện kế hoạch SXKD thuận lợi, đạt kết quả cao.

Trong quá trình chỉ đạo các mặt hoạt động của công ty, HĐQT cũng thường xuyên giám sát Ban điều hành, giúp Ban điều hành nhất quán trong việc chỉ đạo SXKD tuân thủ Điều lệ công ty nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành.

B. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2016	LŨY KẾ 2012-2016	KẾ HOẠCH NĂM 2017	KH 2017/ TH 2016 (%)
1.	Sản lượng sản xuất, tiêu thụ. Trong đó: Bia Tươi Bia xuất khẩu	1.000 Lit	112,852.82	455,209.74	101,000.00	89.5%
			485.42	1,483.93	500.00 3,500.00	100%
2.	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1,757.09	5,990.74	1,493.30	84.9%
3.	Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	23,478	65,173	20,380	86.8%
4.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	91,852	310,590	63,809	69.5%
5.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	84,892	314,835	59,023	69.5%

được các Quý cổ đông có những đóng góp ý kiến thiết thực cho sản xuất kinh doanh và mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ giúp đỡ của Công ty mẹ - Tổng công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, CBCNV công ty cùng đoàn kết một lòng, nỗ lực hết mình vì sự phát triển bền vững của Bia Sài Gòn và của Công ty.

Thay mặt HĐQT, tôi xin tỏ lòng biết ơn đối với sự ủng hộ, tín nhiệm của toàn thể Quý vị Cổ đông trong thời gian qua. Chúng tôi cũng rất mong các Quý vị Cổ đông cảm thông và sẻ chia những khó khăn đối với ngành sản xuất bia trong năm 2017.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT



Bùi Ngọc Hạnh

BÁO CÁO**TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ 2012-2017
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2017**

Kính thưa: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

- Căn cứ thông báo số: ... của HĐQT Tổng công ty ngày/2017, thống nhất cho phép người đại diện vốn của SABECO tại công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

- Căn cứ Điều lệ Công ty và chức năng nhiệm vụ của Giám đốc Công ty, thay mặt ban điều hành công ty, báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017;

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016:**1. Tình hình thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:**

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi (Công ty) thông qua ngày 14/05/2016 với sản lượng sản xuất và tiêu thụ 95 triệu lít/năm;

Căn cứ kế hoạch sản xuất và giao hàng điều chỉnh lần 1 ngày 13/10/2016; điều chỉnh lần 02 ngày 03/11/2016 sản lượng bia lon lager tăng thêm 4 triệu lít và kế hoạch điều chỉnh lần 03 ngày 25/11/2016 sản lượng bia lon lager tăng thêm 1,5 triệu lít.

Ban Giám đốc Công ty báo cáo đến Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 đạt được như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2016		Tỷ lệ % TH / KH
		KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	
1. Sản lượng sản xuất	-	95,000,000	111,866,017	117.75%
2. Sản lượng tiêu thụ	"	95,000,000	112,852,820	118.79%
3. Tổng doanh thu từ HĐKD		1,447,258,865,187	1,754,860,573,710	121.12%
4. Thuế TTĐB		(663,105,884,201)	(799,509,853,164)	120.57%
5. Giá vốn	"	(705,254,922,538)	(823,043,148,686)	116.70%
6. Chi phí bán hàng	"	(5,951,486,238)	(3,267,434,663)	54.90%
7. Chi phí quản lý	"	(13,119,756,850)	(15,122,986,107)	115.27%
8. Lợi nhuận từ HĐKD	"	59,826,815,360	113,917,151,090	190.41%
9. Lợi nhuận khác	"	-	1,156,863,678	

10. Lợi nhuận tài chính	"	(23,684,163,176)	(23,221,117,692)	98.04%
- Lãi tiền gửi	"	-	257,415,503	
- Chi phí lãi vay	"	(23,684,163,176)	(23,478,533,195)	99.13%
8. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	"	36,142,652,184	91,852,897,076	254.14%
9. THUẾ TNDN	"	(2,710,698,914)	(6,960,340,173)	256.77%
- Thuế TNDN hiện hành 7.5%	"	(2,710,698,914)	(6,960,340,173)	256.77%
10. LỢI NHUẬN SAU THUẾ	"	33,431,953,270	84,892,556,903	253.93%

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016, lợi nhuận trước thuế đạt 91,85 tỷ đồng, vượt 55,71 tỷ đồng so với kế hoạch là do các yếu tố sau:

- Sản lượng sản xuất và tiêu thụ tăng làm tăng lợi nhuận 11,53 tỷ đồng.
- Doanh thu tăng bù cho thuế TTĐB, làm tăng lợi nhuận 14,47 tỷ đồng.
- Việc sản xuất ổn định và liên tục làm giảm tiêu hao năng lượng: Hơi nước bảo hòa, điện, nước, các loại VL phụ khác.... làm tăng lợi nhuận lên 4,52 tỷ đồng.
- Chi phí mua hơi bảo hòa giảm, giá nguyên liệu chính (malt) giảm, chi phí sử dụng lon 202 giảm so với lon 206 làm tăng lợi nhuận 18,61 tỷ đồng.
- Chi phí Phụ tùng thay thế, CCDC chi mua thực tế giảm so với kế hoạch, làm tăng lợi nhuận lên 6,58 tỷ đồng.

2. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản

- Xây dựng nhà văn phòng làm việc, hạ tầng, đường nội bộ đã thi công hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 1/2016.
- Công ty đang thực hiện thi công các hạng mục của dự án đầu tư đầu tư bổ sung thiết bị nâng chất lượng bia và tiết kiệm năng lượng dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng từ tháng 05/2017, khi khai thác sẽ tăng sản lượng sản xuất đạt công suất 130 triệu lít bia/năm.

3. Tình hình tài chính năm 2016

S T T	Khóa mục	Số dư nợ vay đầu kỳ	Số nhận nợ vay trong kỳ	Số trả nợ vay trong kỳ	Số nợ vay còn phải trả
1	Vay trung hạn	196,161,109,252	111,496,440,103	214,161,109,252	93,496,440,103
	Vay dài hạn phân xây dựng cơ bản	196,161,109,252	111,496,440,103	214,161,109,252	93,496,440,103
2	Vay ngắn hạn	253,552,823,198	769,268,843,018	910,911,406,044	274,768,483,529
	Vay ngắn hạn nộp hộ TCT tiền thuế TTĐB	133,496,440,103	12,858,223,357		146,354,663,460
	Vay ngắn hạn (bổ sung vốn lưu động)	120,056,383,095	919,268,843,018	910,911,406,044	128,413,820,069
Tổng cộng		449,713,932,450	1,043,623,506,478	1,125,072,515,296	368,264,923,632

- Lãi suất vay vốn lưu động bình quân trong năm từ: 4.6%/năm - 5.2%/năm
- Lãi suất vay trung dài hạn cho xây dựng cơ bản: 6,5%/năm.
- Từ cuối tháng 12/2015 Công ty vay vốn lưu động để nộp bổ sung thuế TTĐB phải nộp tăng thêm theo kết luận của kiểm toán nhà nước và thanh tra BTC số tiền

146,354,663,460 đồng. Chi phí lãi vay phát sinh trong năm của số tiền thuế trên là 7,688,434,906 đồng, Công ty đã quyết toán vào chi phí tài chính trong năm 2016.

➤ Ngày 30/12/2016 Tổng Công ty đã chuyển trả số tiền thuế trên.

4. Tình hình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước

Diễn giải	ĐVT	NĂM 2016		Tỷ lệ % TH /KH
		Kế hoạch	Thực hiện	
B	C	1	2	3
Phải nộp ngân sách	"	926,640,506,550	1,054,577,638,875	113.81%
- Thuế GTGT	"	144,725,886,519	191,255,491,929	132.15%
- Thuế TTĐB	"	663,105,884,201	799,272,278,292	120.53%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	"	2,710,698,914	6,960,340,173	256.77%
- Thuế xuất nhập khẩu	"	300,000,000	367,027,455	122.34%
- Thuế thu nhập cá nhân	"	1,000,000,000	1,691,976,240	169.20%
- Các khoản nộp khác	"	55,200,000,000	55,030,524,786	99.69%
Đã nộp ngân sách	"	788,428,015,510	1,022,921,924,172	129.74%
- Thuế VAT	"	140,617,390,256	175,806,915,717	125.03%
- Thuế TTĐB	"	662,961,312,142	778,645,072,579	117.45%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	"	2,484,807,338	3,971,023,499	159.81%
- Thuế xuất nhập khẩu	"	300,000,000	410,626,472	136.88%
- Thuế thu nhập cá nhân	"	1,000,000,000	1,321,366,441	132.14%
- Các khoản nộp khác	"	55,200,000,000	62,766,919,464	113.71%

5. Tình hình lao động và thu nhập của người lao động

TT	Diễn giải	ĐVT	NĂM 2016		Tỷ lệ % TH /KH
			Kế hoạch	Thực hiện	
A	B	C	1	2	3
1	Tổng lao động bình quân	Người	200	195	97.50%
2	Tiền lương bình quân	Người/tháng	8,458,763	10,454,367	123.59%

6. Tình hình thực hiện các quỹ và chi trả cổ tức:

➤ **Tình hình thực hiện các quỹ:**

CHỈ TIÊU	ĐVT	Số đầu năm	Tăng giảm trong năm 2016		Còn lại
			Tăng	Giảm	
-Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	20,570,250,272	8,487,000,000		29,057,250,272
-Quỹ khen thưởng	Đồng	7,699,760,903	6,189,360,000	2,861,560,000	11,027,560,903
-Quỹ phúc lợi	Đồng	1,165,870,741		518,179,975	647,690,766
-Quỹ công tác xã hội	Đồng	1,511,236,126	849,000,000	238,903,228	2,121,332,898

➤ **Chi trả cổ tức:** Trong năm đã trả cổ tức: 49,488,381,173đ, số còn chưa trả sẽ tiếp tục trả khi cổ đông yêu cầu.

➤ Lợi nhuận chưa phân phối và mức chi trả cổ tức năm 2016:

CHỈ TIÊU	ĐVT	Số đầu năm
-Số dư lợi nhuận năm trước chuyển sang	Đồng	21,322,682,703
-Số lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ năm nay	Đồng	69,422,556,903
-Dự kiến trả cổ tức năm nay 15%	Đồng	67,500,000,000
-Số dư còn lại	Đồng	23,245,239,606

7. Công tác quản lý sản xuất và các mặt công tác khác:

- Công ty tổ chức các khóa đào tạo về an toàn lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng cháy chữa cháy; cử cán bộ quản lý đi tham dự các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn chuyên sâu về quản lý sản xuất, kinh doanh thị trường: kỹ thuật công nghệ, thiết bị, công nghệ thông tin, tài chính kế toán.
- Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, trang bị bảo hộ lao động theo đúng tiêu chuẩn vị trí công việc. Tạo điều kiện để Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên phối hợp tổ chức các ngày lễ trong năm, hoạt động cộng đồng với các tổ chức xã hội tại địa phương, giao lưu thể thao văn nghệ, tạo không khí vui tươi lành mạnh. Định kỳ tổ chức cho CB.CNV đi tham quan học hỏi ở các Công ty, Nhà máy trong hệ thống Bia Sài Gòn và bên ngoài.
- Công ty tổ chức phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất, hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao; thường xuyên phát động các phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng lực sản xuất. Trong năm có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý và hợp lý hóa sản xuất được áp dụng vào thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty đem lại hiệu quả về kinh tế, tiết kiệm được chi phí sản xuất, chi phí tài chính.

8. Công tác xã hội:

- Song song với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn tham gia trò tích cực trong các hoạt động xã hội, cùng với Tổng công ty xây dựng thông điệp “Bia Sài Gòn chung tay cùng cộng đồng”. Chia sẻ khó khăn với nhân dân địa phương thiên tai địch họa, bão lũ; Gia đình chính sách gặp khó khăn....; có kết hợp để tuyên truyền quảng bá hình ảnh thương hiệu bia Sài Gòn; Hưởng ứng và tuyên truyền “Người Việt sử dụng hàng Việt, chất lượng cao, ATVSTP”.
- Tổng số tiền tham gia công tác xã hội là: 296.250.000 đồng.

9. Quý IV/2016, công ty đã hoàn thành các thủ tục để đăng ký giao dịch upcom 45.000.000 cổ phiếu của công ty trên sàn giao dịch Hà nội. Ngày 28/2/2017 là ngày giao dịch đầu tiên, giá 22.600 đ/CP; Hiện tại đang giao dịch với mức giá giao động từ 29.000đ đến 31.000 đồng/CP.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM (2012 – 2016)

1. Kết quả thực hiện sản xuất kinh 5 năm (2012 – 2016)

Stt	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kết quả thực hiện SXKD năm					Tỷ lệ % 2016/2012
			2012	2013	2014	2015	2016	
I	SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT	Lít	67,966,748	89,489,141	92,627,530	94,145,841	111,866,017	164.6%
II	SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ	Lít	67,951,234	87,133,099	93,245,586	94,027,020	112,852,820	166.1%
III	TỔNG DOANH THU	Tỷ đồng	681.67	1,000.67	1,290.17	1,261.61	1,757.33	257.8%
1	Doanh thu bán Bia Sài Gòn	Đồng	669.49	986.01	1,278.60	1,243.87	1,742.65	260.3%
2	Doanh thu bán Bia tươi	"	-	-	0.85	8.93	5.10	-
3	Doanh thu bán Bã hèm	"	5.04	6.34	5.99	6.40	7.35	145.9%
4	Doanh thu tài chính	"	5.22	2.76	0.91	0.15	0.26	4.9%
5	Doanh thu khác	"	1.92	5.57	3.83	2.26	1.98	102.9%
IV	TỔNG CHI PHÍ	Tỷ đồng	692.88	931.34	1,212.46	1,178.70	1,665.48	240.4%
1	Thuế tiêu thụ đặc biệt	"	261.89	413.84	517.93	496.49	799.51	305.3%
2	Các khoản giảm trừ khác	"	-	-	-	0.47	0.24	-
3	Giá vốn hàng bán	"	343.21	442.67	638.09	639.90	823.04	239.8%
4	Chi phí bán hàng	"	0.00	5.53	3.39	2.75	3.27	-
5	Chi phí quản lý	"	8.10	10.30	10.58	11.89	15.12	186.7%
6	Chi phí tài chính	"	78.87	57.94	39.16	26.24	23.48	29.8%
	- Chi phí lãi vay	"	74.72	54.69	35.18	23.08	23.48	31.4%
7	Chi phí khác	"	0.81	1.05	3.31	0.96	0.82	101.1%
V	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tỷ đồng	(11.21)	69.32	77.71	82.91	91.85	-
VI	THUẾ TNDN (7.5%)	Tỷ đồng	-	-	-	-	6.96	-
VII	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Tỷ đồng	(11.21)	69.32	77.71	82.91	84.89	-

2. Các yếu tố ảnh hưởng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 5 năm (2012-2015)

➤ Năm 2012:

- Công ty chỉ có 01 dây chuyền chiết bia chai với công suất 60.000 chai/h gặp rủi ro cao cho sản xuất. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ chỉ đạt 68% công suất thiết kế, với chi phí tương ứng sản lượng tiêu thụ như trên chưa đạt điểm hòa vốn, chưa khai thác hết công suất thiết bị sẵn có.
- Chi phí lãi vay đầu tư quá cao do vốn vay đầu tư lớn. Chênh lệch tỷ giá EUR từ thiết bị nhập khẩu của Dự án được phân bổ trong 5 năm sau khi đi vào sản xuất;
- Chi phí kết vỏ mới đầu tư phân bổ vào giá thành chiếm tỷ trọng lớn;
- Chi phí đầu tư tài sản lớn (khấu hao TSCĐ) chiếm tỷ lệ lớn trên giá thành 1 lít bia;

➤ Năm 2013:

- Được sự đồng ý của Tổng Công ty, Công ty đầu tư bổ sung dây chuyền chiết lon công suất 33.000 lon/giờ đã khai thác thêm công suất của thiết bị, giảm chi phí cố định, giảm rủi ro trong sản xuất, tăng hiệu quả sử dụng vốn.

- Sản lượng sản xuất đạt 89,48 triệu lít tăng 32% so với thực hiện năm 2012; tiêu thụ đạt 87,13 triệu lít tăng 28% so với thực hiện 2012.
- Và sự hỗ trợ từ phía Tổng Công ty như: Cho chậm trả tiền nguyên vật liệu đã làm giảm chi phí tài chính. Bước đầu Công ty đã hoạt động có lãi nhưng phải bù lỗ cho những năm trước (2011-2012).
- Từ năm 2014 đến 2016
 - Được sự quan tâm hỗ trợ từ HĐQT Tổng Công ty; sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT Công ty đưa Công ty hoạt động có lãi.
 - Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế như: ISO 9001:2008, hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2010, HACCP, hệ thống quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm TCVN ISO 22000:2007; SMETA; BRC.
 - Trang bị đầy đủ trang thiết bị phòng kiểm nghiệm chất lượng theo quy chuẩn. Chất lượng bia thành phẩm đưa ra thị trường đạt 100% yêu cầu kỹ thuật qui định của Tổng công ty.
 - Hợp lý hóa dòng tiền, tìm kiếm nguồn vốn vay lưu động với lãi suất thấp để tiết giảm chi phí tài chính. Đến cuối năm 2016 đã trả hết nợ vay đầu tư, chi phí lãi vay hàng năm từ 77 tỷ đồng xuống còn 24 tỷ đồng đã góp phần tăng lợi nhuận Công ty.
 - Sản lượng sản xuất và tiêu thụ liên tục gia tăng, năm sau cao hơn năm trước. Thực hiện năm 2016 sản lượng sản xuất và tiêu thụ tăng 66% so với thực hiện năm 2012 đạt 112 triệu lít/ năm.
 - Theo đó lợi nhuận đã tăng, năm 2012 lỗ 11 tỷ và đến 2016 đã lãi ròng gần 92 tỷ đồng và hàng năm thu hồi vốn đầu tư từ nguồn khấu hao là 87 tỷ đồng, thặng dư khối lượng bao bì kết vỏ các loại trên 100 tỷ đồng.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

Căn cứ Quyết định số 475/QĐ-BSG ngày 29/12/2016 của Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn về việc điều chỉnh giá kê khai thuế TTĐB, giá mua, giá bán sản phẩm năm 2017;

Căn cứ Thông báo số .../BSG-BKHTH ngày ../03/2017 Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn về việc Phê duyệt kế hoạch giao sản lượng sản xuất năm 2017 đối với Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi.

Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 :

CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2016	KẾ HOẠCH NĂM 2017	Tỷ lệ % KH 2017/ TH 2016
SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ	-	112,852,820	101,000,000	90.3%
- Chai 450	"	16,575,597	14,000,000	86.4%

- Chai 355	"	17,629,097	21,000,000	123.4%
- Chai Special	"	9,775,715	6,000,000	62.2%
- Chai Lager	"	1,429,372	6,000,000	292.6%
- Lon Lager	"	66,957,620	50,000,000	75.24%
- Bia Tươi	"	485,418	500,000	103.00%
- Lon Xuất khẩu	"		3,500,000	
1. DOANH THU HĐKD		1,754,860,573,710	1,492,247,976,206	85.04%
2. THUẾ TTĐB		(799,509,853,164)	(661,904,287,772)	82.79%
3. DOANH THU THUẦN		955,350,720,546	830,343,688,434	86.92%
4. GIÁ VỐN	"	(823,043,148,686)	(726,593,433,854)	88.28%
5. CHI PHÍ BÁN HÀNG	"	(3,267,434,663)	(5,525,041,700)	169.09%
6. CHI PHÍ QUẢN LÝ	"	(15,122,986,107)	(15,084,843,247)	99.75%
7. LỢI NHUẬN TỪ HĐKD	"	113,917,151,090	83,140,369,633	72.98%
8. LỢI NHUẬN KHÁC	"	1,156,863,678	1,050,000,000	90.76%
9. LỢI NHUẬN TÀI CHÍNH	"	(23,221,117,692)	(20,380,950,051)	87.77%
- Lãi tiền gửi	"	257,415,503	-	
- Chi phí lãi vay	"	(23,478,533,195)	(20,380,950,051)	86.81%
10. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	"	91,852,897,076	63,809,419,582	69.47%
11. THUẾ TNDN	"	(6,960,340,173)	(4,785,706,469)	68.76%
- Thuế TNDN hiện hành 7.5%	"	(6,960,340,173)	(4,785,706,469)	68.76%
12. LỢI NHUẬN SAU THUẾ	"	84,892,556,903	59,023,713,113	69.53%

Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2017 chỉ đạt 63.8 tỷ đồng, trong đó:

- Việc thay đổi cơ cấu sản phẩm, sản lượng sản xuất và tiêu thụ Bia Sài Gòn năm 2017 Tổng Công ty giao giảm 15,352,820 lít so với thực hiện năm 2016 làm giảm lợi nhuận trước thuế từ sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty là 33.97 tỷ đồng.
- Dự kiến sản lượng sản xuất và tiêu thụ Bia xuất khẩu sang thị trường Úc năm 2017 3,5 triệu lít/năm, làm gia tăng lợi nhuận thêm 5,93 tỷ đồng.

Từ tháng 01/02/2017 Tổng công ty thu tiền nguyên vật liệu đối với các đơn vị hợp tác sản xuất ngay sau khi xuất hóa đơn bán hàng đã làm tăng chi phí tài chính vì phải đi vay trả trước tiền nguyên liệu cho Tổng công ty.

2. Kế hoạch sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng định kỳ

Sau hơn 6 năm đi vào hoạt động sản xuất, Nhà máy Bia Sài Gòn Quảng Ngãi đến thời điểm thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng toàn diện như: Hoàn thiện hệ thống đường nội bộ; Sửa chữa phần xây dựng của hệ thống xử lý nước thải đã xuống cấp; Lắp đặt hệ thống đo nước thải Online...; Mua dự phòng vật tư phụ tùng thay thế cho khu nhà nấu và hệ thống dây chuyền chiết chai, lon.

3. Những đề xuất, giải pháp và kiến nghị nhằm thực hiện kế hoạch năm 2017

- **Công tác thị trường**

- Tiếp tục quảng bá thương hiệu thông qua hiệu ứng hình ảnh: bảng hiệu, pano, ánh sáng, đài phát thanh, công tác truyền thông của tỉnh.
- Tham gia các hoạt động an sinh xã hội; Phối hợp với các sở ban ngành địa phương tăng tiêu thụ bia tại chỗ.
- Ngoài việc ổn định sản xuất, chất lượng sản phẩm đầu ra đáp ứng yêu cầu về chất lượng của Tổng Công ty. Công ty phối hợp cùng các Công ty Thương Mại khu vực triển khai công tác hỗ trợ bán hàng.
- Nhằm nâng cao chuyên môn, khai thác triệt để công suất thiết bị và mở rộng thị trường Công ty đã ký hợp đồng sản xuất Bia xuất khẩu đi thị trường Úc với sản lượng dự kiến năm 2017 từ 3 - 5 triệu lít/năm. Tiếp tục mở các điểm bán bia Tươi.

▪ **Về Tài chính**

Tiếp tục vận dụng ,tìm kiếm nguồn vốn thích hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh và trong công tác đầu tư để tiết giảm chi phí tài chính.

▪ **Về quản trị công ty**

- Tăng cường các biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm ở các công đoạn, trên cơ sở các định mức hao phí được ban hành để đảm bảo sản xuất với hiệu quả cao nhất.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp lý nhằm khai thác hết công suất thiết bị tiết giảm chi phí tăng lợi nhuận cho Công ty.
- Xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hàng năm nhằm đảm bảo thiết bị hoạt động trong trạng thái tốt nhất đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất của Công ty.
- Ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác hệ thống quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm hiện có của công ty.
- Xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ và chuyên sâu phù hợp cho từng loại cán bộ công nhân viên trong công ty, chủ động cử cán bộ đi đào tạo các lớp chuyên sâu có trình độ cao.
- Xây dựng hệ thống đánh giá và trả công lao động theo năng lực và cống hiến, thu hút và giữ được người giỏi cho Công ty trên cơ sở có các chính sách đãi ngộ thỏa đáng.

▪ **Kiến nghị:**

- Để tạo điều kiện cho Công ty có đủ vốn lưu luân chuyển, thanh toán tiền mua NVL, Đầu tư xây dựng cơ bản và trả nợ vay vốn lưu động đúng hạn. Công ty kính đề nghị Tổng công ty xem xét ứng trước 10 ngày tiền bán bia cho Tổng Công ty là 40 tỷ đồng để Công ty có tiền luân chuyển hàng tồn kho và Tổng Công ty thu trước tiền nguyên vật liệu
- Công ty đã đầu tư Tank năm, nâng chất lượng bia. Đề nghị Tổng Công ty giao cho Công ty sản xuất Bia lon Specail để tiêu thụ tại khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.
- Năm 2017 Công ty có thể sản xuất và giao hàng với công suất 130 triệu lít bia/năm. Đề nghị Tổng Công ty có kế hoạch giao sản xuất và nhận hàng hợp lý để gia tăng hiệu quả phân vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi.

- Về Lô đất số 06 Nguyễn Thụy, nếu Tổng công ty không đầu tư thì sớm có văn bản giao để công ty tiếp nhận và đầu tư Trung tâm kinh doanh bán bia Sài Gòn.
- Công ty đã có tờ trình xin chủ trương đầu tư mở rộng Nhà máy lên 200 triệu lít bia/năm. Công ty xét thấy việc mở rộng nâng công suất lên 200 triệu lít bia/năm là phù hợp với quy hoạch công suất chung của Bộ Công Thương. Chi phí đầu tư mở rộng là rất tiết kiệm; và sau đầu tư khai thác công suất mở rộng mang hiệu quả kinh tế rất cao cho Tổng Công ty (với tỷ lệ vốn góp 67% vốn điều lệ).

Kính báo cáo đại hội ./.



Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 04 năm 2017

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH
VỀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2012-2017
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017**

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong Bản Điều lệ Công ty Cổ phần bia Sài Gòn Quảng Ngãi.
- Căn cứ báo cáo tổng kết, báo cáo tài chính đã được kiểm toán và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty từ năm 2012-2016.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả qua các năm cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SX KINH DOANH TRONG NHIỆM KỲ 2012-2017:

Ban kiểm soát nhất trí với báo cáo đánh giá hoạt động SXKD 2016 của Hội đồng quản trị công ty, các số liệu cơ bản được đánh giá qua nhiệm kỳ 5 năm như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Bình quân năm
1. Vốn điều lệ	Tỷ đồng	450	450	450	450	450	450
2. Sản lượng tiêu thụ	Triệu lít	67,95	87,13	93,25	94,03	112,85	91.042
3. Tổng doanh thu (Bao gồm Thuế TTĐB)	Tỷ đồng	681,67	1000,67	1290,17	1.261,14	1.757,09	1.198,14
4. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-11,2	69,3	77,7	82,9	91,85	80,43
5. Lao động bình quân	Người	146	181	187	193	195	180,4
6. Thu nhập bình quân	Triệu đồng	6,9	6,79	8,2	8,9	10,5	8,25

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY:

Trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính năm 2012 đến năm 2016 của công ty, Ban Kiểm soát có những đánh giá sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	BQ năm
1- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	12,4	17,4	15	24,4	28,2	19,48
2-Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	87,6	82,6	85	75,6	71,8	80,52
3-Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	67,2	65,65	54,7	53,4	50,4	58,27
4-Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	32,8	34,35	45,2	46,6	49,6	41,71
5-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	-	12,1	10,2	10,87	8,8	10,49
6-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	-	5,4	6,9	7,07	7,38	6,68
7-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-	15,7	15,21	15,18	14,89	15,24

- Báo cáo tài chính của Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi năm 2016 đã được Công ty kiểm toán Ernst&Young Việt nam kiểm tra quyết toán
- Các báo cáo từ 2012 đến năm 2016 : Ban kiểm soát ghi nhận báo cáo tài chính qua các năm do công ty lập đã phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam.

III. CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT :

Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát có đánh giá như sau :

1. Trong nhiệm kỳ 2012-2017, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty đã tuân thủ đầy đủ các Nghị quyết, điều lệ, chính sách, chế độ cũng như các quy định pháp luật trong việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị đã kịp thời ra các Nghị quyết giải quyết các vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh. Ban giám đốc và bộ máy điều hành đã bám sát các nghị quyết, quy định để điều hành Công ty có hiệu quả.

2. Ngoài ra trong nhiệm kỳ 2012-2017 Ban Kiểm soát đã soát xét tổng thể tình hình hoạt động công ty

- Xem xét, đánh giá hoạt động của công ty trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của các năm từ 2012-2016.

- Kiểm tra, giám sát tổng thể báo cáo tài chính doanh nghiệp và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong công tác : Quản trị vật tư và thành phẩm, quản trị qui trình công nghệ trong việc kiểm tra tuân thủ qui trình công nghệ, định mức và kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm; Quản trị tài chính kế toán: Theo dõi công nợ trong hệ thống, kiểm kê vật tư tồn kho, bao bì chai kết, theo dõi định mức kinh tế kỹ thuật, hồ sơ chứng từ kế toán như quản lý hóa đơn bán hàng, quản lý tiền gửi ngân hàng, quản lý hồ sơ chứng từ kế toán; Quản trị hệ thống ISO, cơ sở hạ tầng.

- Kiểm tra, soát xét hồ sơ đầu tư các dự án tại nhà máy Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi(nhà kho thành phẩm số 1, nhà văn phòng, thi công qui hoạch mặt bằng phía bắc..)

- Kết hợp với các phòng ban công ty kiểm kê thực tế tài sản thiết bị, nguyên vật liệu, phụ tùng, bao bì , thành phẩm.

- Cùng với các phòng ban chức năng tại Tổng Công ty và nhà máy : đánh giá công tác vệ sinh môi trường, An toàn vệ sinh lao động, Công tác tổ chức, công tác cán bộ, việc thực hiện qui chế dân chủ tại đơn vị, thực hiện chế độ chính sách với người lao động thông qua việc tuân thủ qui chế phân phối tiền lương.

- Kiểm tra công tác quản lý sản phẩm phụ bia tươi tại công ty.

3. Tổ chức Công Đoàn tại Nhà máy hoạt động mạnh và hiệu quả góp phần xây dựng thương hiệu Bia Sài Gòn tại Quảng Ngãi.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017:

Quý I năm 2017:

- Kiểm tra tính pháp lý, ghi chép sổ sách, hạch toán chi phí, lưu trữ chứng từ tại công ty.

- Kiểm tra công tác kiểm kê tài sản, kiểm kê vật tư tồn kho, bao bì chai kết, Phụ tùng, CCDC tại công ty.

- Phối hợp các Phòng/Ban Công ty, Tổ công tác lập báo cáo, chuẩn bị tài liệu phục vụ Đại hội cổ đông thường niên 2017.

Quý II năm 2017:

- Kiểm tra chứng từ nhập xuất hàng, hóa đơn bán hàng, qui trình lưu trữ hồ sơ,
- Kiểm tra hồ sơ chứng từ đầu tư tại dự án tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi.

Quý III năm 2017:

- Kiểm tra giám sát các loại bao bì chai kết, thành phẩm, kho bãi.
- Các báo cáo tại các xưởng.
- Cách sắp xếp vật tư và các bao bì trong và ngoài xưởng theo qui định

Quý IV năm 2017:

- Kiểm tra việc kinh doanh sản phẩm phụ bia tươi, quản trị bia tươi
- Công nợ phải thu
- Kiểm kê toàn bộ NVL chính đầu vào, kiểm kê tài sản, kiểm kê vật tư tồn kho, bao bì chai kết, Phụ tùng, CCDC, trước 31/12/2017 để giúp cho nhà máy hoàn thiện công tác kiểm kê cuối năm.

Trên đây là một số nội dung trong quá trình kiểm tra giám sát trong nhiệm kỳ qua của Ban Kiểm soát, xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Huỳnh Thị Thùy Nhân

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 28

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp ("GCNĐKDN") lần 4 số 4300338460 ngày 1 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia rượu, nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản, gạo, thực phẩm và vật tư trong ngành công nghiệp thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Ngọc Hạnh	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Nhự	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Trần Nghĩa	Thành viên
Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2016
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên	

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Bùi Thị Nhự	Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc	
Ông Thượng Tấn Lực	Phó Giám đốc	
Ông Trần Đình Bê	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Bùi Thị Nhự.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Bùi Thị Như
Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2017



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
26th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3624 5252
Fax: +84 8 3624 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61283632/18741238

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi ("Công ty"), được lập ngày 2 tháng 3 năm 2017, và được trình bày từ trang 5 đến trang 28 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận thuế tiêu thụ đặc biệt đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 30 tháng 3 năm 2016.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2014-004-1

Ngô Hồng Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		324.142.875.676	285.573.945.354
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	215.677.001.967	24.304.775.471
111	1. Tiền		143.677.001.967	24.117.196.520
112	2. Các khoản tương đương tiền		72.000.000.000	187.578.951
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		47.694.983.299	202.311.922.759
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	44.963.841.298	51.848.031.861
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	1.551.259.578	3.652.209.691
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.179.882.423	146.811.681.207
140	III. Hàng tồn kho	7	59.650.325.354	57.713.431.208
141	1. Hàng tồn kho		59.650.325.354	57.713.431.208
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.120.565.056	1.243.815.916
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	977.691.643	1.243.815.916
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		142.873.413	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		825.216.344.430	886.811.717.755
210	I. Phải thu dài hạn khác		-	414.522.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	414.522.000
220	II. Tài sản cố định		794.802.855.822	864.084.631.649
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	794.802.855.822	864.084.631.649
222	Nguyên giá		1.262.494.611.976	1.250.086.403.565
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(467.691.756.154)	(386.001.771.916)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		24.847.255.413	4.377.029.728
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	24.847.255.413	4.377.029.728
260	IV. Tài sản dài hạn khác		5.566.233.195	17.935.534.378
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	5.566.233.195	6.840.830.832
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	11.094.703.546
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.149.359.220.106	1.172.385.663.109


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		579.553.730.228	626.492.730.134
310	I. Nợ ngắn hạn		486.057.290.125	479.159.620.882
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	68.677.907.355	68.328.527.797
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		12.565.592	30.457.910
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	102.673.812.534	63.238.104.136
314	4. Phải trả người lao động		6.031.035.114	5.286.605.850
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	11.891.013.153	13.025.731.017
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	10.327.221.179	18.003.739.330
320	7. Vay ngắn hạn	15	274.768.483.529	302.380.823.198
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.675.251.669	8.865.631.644
330	II. Nợ dài hạn		93.496.440.103	147.333.109.252
338	1. Vay dài hạn	15	93.496.440.103	147.333.109.252
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		569.805.489.878	545.892.932.975
410	I. Vốn chủ sở hữu	16.1	569.805.489.878	545.892.932.975
411	1. Vốn cổ phần		450.000.000.000	450.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450.000.000.000	450.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		29.057.250.272	20.570.250.272
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		90.748.239.606	75.322.682.703
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		21.322.682.703	8.121.001.086
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		69.425.556.903	67.201.681.617
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.149.359.220.106	1.172.385.663.109


Văn Thị Thủy Trang
Người lập


Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng


Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

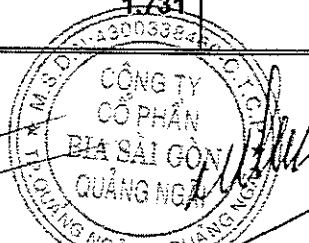
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	17.1	955.588.295.418	762.707.362.756
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(237.574.872)	(467.787.600)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	17.1	955.350.720.546	762.239.575.156
11	4. Giá vốn hàng bán	18	(823.043.148.686)	(639.902.267.690)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		132.307.571.860	122.337.307.466
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	257.415.503	149.513.515
22	7. Chi phí tài chính	19	(23.478.533.195)	(26.240.937.190)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(23.478.533.195)	(24.075.679.641)
25	8. Chi phí bán hàng	20	(3.267.434.663)	(2.750.254.060)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(15.122.986.107)	(11.888.420.989)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		90.696.033.398	81.607.208.742
31	11. Thu nhập khác	22	1.976.083.034	2.259.087.810
32	12. Chi phí khác	22	(819.219.356)	(958.614.935)
40	13. Lợi nhuận khác	22	1.156.863.678	1.300.472.875
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		91.852.897.076	82.907.681.617
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	(6.960.340.173)	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		84.892.556.903	82.907.681.617
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.5	1.731	1.700
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	16.5	1.731	1.700

[Handwritten signature]

Văn Thị Thùy Trang
Người lập

[Handwritten signature]

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		91.852.897.076	82.907.681.617
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	9	81.689.984.238	79.969.635.599
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	13.290
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(257.415.503)	(149.513.515)
06	Chi phí lãi vay	19	23.478.533.195	24.075.679.641
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		196.763.999.006	186.803.496.632
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		154.888.588.047	(151.416.172.175)
10	Giảm hàng tồn kho		9.157.809.400	683.548.934
11	Tăng các khoản phải trả		20.553.491.361	16.291.295.485
12	Giảm chi phí trả trước		1.540.721.910	9.505.910.678
14	Tiền lãi vay đã trả		(23.690.348.038)	(24.961.066.154)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(3.971.023.499)	-
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		63.360.000	65.000.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.384.739.975)	(4.219.222.583)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		351.921.858.212	32.752.790.817
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(29.869.657.228)	(6.505.085.179)
27	Lãi tiền gửi nhận được	17.2	257.415.503	149.513.515
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(29.612.241.725)	(6.355.571.664)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	15	1.043.623.506.478	676.396.291.341
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	15	(1.125.072.515.296)	(687.141.956.178)
36	Cổ tức đã trả	16.3	(49.488.381.173)	(39.193.470.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(130,937,389,991)	(49.939.134.837)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

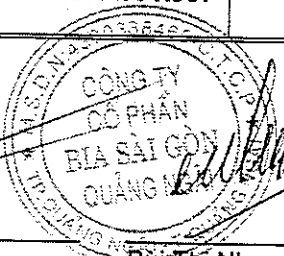
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		191.372.226.496	(23.541.915.684)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	24.304.775.471	47.846.704.445
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(13.290)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	215.677.001.967	24.304.775.471



Văn Thị Thùy Trang
Người lập



Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng



Bùi Thị Như
Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh Doanh ("GCNĐKKD") lần 4 số 4300338460 ngày 1 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp, và các ("GCNĐKKD") điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia rượu, nước giải khát; kinh doanh nông sản, bán buôn gạo và thực phẩm, cồn, vật tư trong ngành nông nghiệp và cung cấp dịch vụ sản xuất công nghiệp thực phẩm và kinh doanh kho bãi.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 165 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 160 nhân viên).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Khác	2 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	188.250.215	472.114.082
Tiền gửi ngân hàng	143.488.751.752	23.645.082.438
Các khoản tương đương tiền (*)	72.000.000.000	187.578.951
TỔNG CỘNG	215.677.001.967	24.304.775.471

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện là khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam với kỳ hạn dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 5.1%/năm đến 5.2%/năm.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	43.835.031.240	50.091.096.880
Phải thu từ bên khác	1.128.810.058	1.756.934.981
TỔNG CỘNG	44.963.841.298	51.848.031.861

Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu để đảm bảo cho các khoản vay từ các ngân hàng (*Thuyết minh số 15*).

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây Dựng Đô thị và Khu Công nghiệp	975.000.000	-
Công ty TNHH Quảng cáo và Tổ chức Sự Kiện Thời nay	248.002.832	-
Khác	328.256.746	3.652.209.691
TỔNG CỘNG	1.551.259.578	3.652.209.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Trường Anh Thư	1.031.118.829	-
Tạm ứng cho nhân viên	147.521.994	193.661.752
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 24) (*)	-	146.614.239.871
Khác	1.241.600	3.779.584
TỔNG CỘNG	1.179.882.423	146.811.681.207

(*) Đây là số thuế tiêu thụ đặc biệt ("TTĐB") mà Công ty đã nộp thay cho Tổng Công ty Cổ phần Bía - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn, công ty mẹ của Công ty liên quan đến số thuế TTĐB bổ sung cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo Thông báo số 119/TB-KTNN ngày 4 tháng 2 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước, và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 9 tháng năm 2015 theo Kết luận Thanh tra số 18234/BTC-Ttr ngày 8 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính với tổng số tiền 133.496.440.103 VND. Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty cũng đã nộp thay số thuế TTĐB ước tính phải nộp bổ sung cho 3 tháng cuối năm 2015 và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc nộp số thuế nêu trên lần lượt là 12.858.223.357 VND và 259.576.411 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, công ty mẹ đã hoàn trả cho Công ty số tiền là 146.354.663.460 VND theo Quyết định số 1510/BSG-BKTTK ngày 15 tháng 12 năm 2016.

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.087.640.130	19.539.104.796
Công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế	19.459.220.655	108.119.000
Nguyên vật liệu	14.888.336.689	25.919.399.829
Thành phẩm	5.215.127.880	12.146.807.583
TỔNG CỘNG	59.650.325.354	57.713.431.208

Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay từ các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 15).

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	977.691.643	1.243.815.916
Phí sửa chữa	409.090.909	-
Công cụ, dụng cụ	388.253.974	356.084.166
Bảo hiểm nhà máy	180.346.760	157.815.083
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	-	594.916.667
Khác	-	135.000.000
Dài hạn	5.566.233.195	6.840.830.832
Chi phí bao bì, vỏ chai, két bia	5.398.499.854	6.287.326.885
Công cụ, dụng cụ	167.733.341	553.503.947
TỔNG CỘNG	6.543.924.838	8.084.646.748

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Số đầu năm	232.069.745.438	1.011.054.673.780	6.721.783.292	249.000.995	-	1.250.086.403.565
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	112.656.312	280.681.249	580.000.000	331.692.480	59.909.091	1.364.939.132
Mua mới trong năm	11.052.069.219	-	-	-	-	11.052.069.219
Phân loại	-	(8.799.940)	-	-	-	(8.799.940)
Số cuối năm	243.225.671.029	1.011.326.555.089	7.301.783.292	580.693.475	59.909.091	1.262.494.611.976

Trong đó:
Đã khấu hao hết 695.109.173 203.400.995 695.109.173 - 1.183.410.221

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số đầu năm	45.865.208.330	335.314.873.133	4.321.261.257	224.934.332	-	386.001.771.916
Khấu hao trong năm	12.027.019.388	68.499.200.834	891.793.248	255.329.358	16.641.410	81.689.984.238
Số cuối năm	57.892.227.718	404.089.548.831	5.213.074.505	480.263.690	16.641.410	467.691.756.154

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	186.204.537.108	675.446.100.654	2.400.502.035	24.066.663	-	864.084.631.649
Số cuối năm	185.333.443.311	607.237.006.258	2.088.708.787	100.429.785	43.267.681	794.802.855.822

Trong đó:

Tài sản sử dụng
để cầm cố thế chấp
(Thuyết minh số 15)

59.571.369.980	333.527.145.617	-	-	-	-	393.098.515.597
----------------	-----------------	---	---	---	---	-----------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tank dùng cho sản xuất bia	21.157.492.595	-
Nhà văn phòng làm việc	3.689.762.818	4.377.029.728
TỔNG CỘNG	<u>24.847.255.413</u>	<u>4.377.029.728</u>

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho bên khác	13.496.716.787	10.467.453.458
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Cổ phần Nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	5.109.654.555	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Năng Lượng Xanh	1.892.423.221	2.652.319.676
- Khác	6.494.639.011	2.929.778.132
Phải trả cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	55.181.190.568	57.861.074.339
TỔNG CỘNG	<u>68.677.907.355</u>	<u>68.328.527.797</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Trả trong năm	Số cuối năm
Thuế TTĐB	55.114.251.124	799.272.278.292	(778.645.072.579)	75.741.456.837
Thuế GTGT	7.946.777.100	191.255.491.929	(175.806.915.717)	23.395.353.312
Thuế TNDN (<i>Thuyết minh số 23</i>)	-	6.960.340.173	(3.971.023.499)	2.989.316.674
Thuế TNCN	177.075.912	1.691.976.240	(1.321.366.441)	547.685.711
TỔNG CỘNG	<u>63.238.104.136</u>	<u>999.180.086.634</u>	<u>(959.744.378.236)</u>	<u>102.673.812.534</u>

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	9.052.112.211	9.532.166.909
Chi phí xây dựng	1.415.400.000	592.063.636
Phải trả cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	584.867.198	2.155.135.168
Chi phí vận chuyển	175.253.625	460.306.045
Khác	663.380.119	286.059.259
TỔNG CỘNG	<u>11.891.013.153</u>	<u>13.025.731.017</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	7.867.008.827	3.355.276.920
Quý công tác xã hội	2.121.332.898	1.511.236.126
Kỳ quỹ	273.080.000	204.140.000
Thuế TTĐB (Thuyết minh số 6)	-	12.858.223.357
Khác	65.799.454	74.862.927
TỔNG CỘNG	10.327.221.179	18.003.739.330

15. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	274.768.483.529	302.380.823.198
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 15.1)	274.768.483.529	137.161.823.198
Vay dài hạn đến hạn trả	-	165.219.000.000
Vay dài hạn (Thuyết minh số 15.2)	93.496.440.103	147.333.109.252
Vay dài hạn từ ngân hàng	93.496.440.103	147.333.109.252
TỔNG CỘNG	368.264.923.632	449.713.932.450

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	302.380.823.198	147.333.109.252	449.713.932.450
Tiền thu từ đi vay	932.127.066.375	111.496.440.103	1.043.623.506.478
Tiền chi trả nợ gốc vay	(959.739.406.044)	(165.333.109.252)	(1.125.072.515.296)
Số cuối năm	274.768.483.529	93.496.440.103	368.264.923.632

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY (tiếp theo)

15.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu nguồn vốn lưu động, chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Quảng Ngãi				
Hợp đồng tín dụng số 36269.16.651.1435932.TD	23.900.000.000	31 tháng 5 năm 2017	4,6	Hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn khác
Ngân hàng Thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi				
Hợp đồng tín dụng số 0001711/2016- HỆTDH/MINHCT520-BIASAIGON	36.057.877.488	20 tháng 6 năm 2017	4,6	Hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn khác
Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi				
Hợp đồng vay số 1601-LAV-2016 ngày 15/06/2016	214.810.606.041	15 tháng 6 năm 2017	4,6	Vay tín chấp
	274.768.483.529			

15.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi				
Hợp đồng số 036/HĐTD2-VIB40/15 ngày 26/03/2015	93.496.440.103	22 tháng 6 năm 2020	6,5	Nhà xưởng, máy móc và thiết bị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số vốn cổ phần đã góp đầu năm và số cuối năm	45.000.000.000	45.000.000.000
Cổ tức đã công bố trong năm	54.000.000.000	40.500.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	(49.488.381.173)	(39.193.470.000)

16.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	45.000.000	45.000.000

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

16.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trong năm	84.892.556.903	82.907.681.617
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi	(6.980.000.000)	(6.416.000.000)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	77.912.556.903	76.491.681.617
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	45.000.000	45.000.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)		
- Lãi cơ bản	1.731	1.700
- Lãi suy giảm	1.731	1.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	955.588.295.418	762.707.362.756
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán bia</i>	948.240.253.137	756.402.058.097
<i>Doanh thu khác</i>	7.348.042.281	6.305.304.659
Các khoản giảm trừ doanh thu	(237.574.872)	(467.787.600)
Chiết khấu thương mại	(237.574.872)	(467.787.600)
TỔNG CỘNG	<u>955.350.720.546</u>	<u>762.239.575.156</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với bên khác</i>	10.656.786.984	8.994.169.881
<i>Doanh thu với bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 24)</i>	944.931.508.434	753.245.405.275

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	<u>257.415.503</u>	<u>149.513.515</u>

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán bia	820.912.666.064	638.245.853.123
Giá vốn khác	<u>2.130.482.622</u>	<u>1.656.414.567</u>
TỔNG CỘNG	<u>823.043.148.686</u>	<u>639.902.267.690</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	23.478.533.195	24.075.679.641
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	<u>2.165.257.549</u>
TỔNG CỘNG	<u>23.478.533.195</u>	<u>26.240.937.190</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.488.499.194	1.653.851.393
Chi phí nhân công	601.723.500	287.644.680
Chi phí vật liệu bán hàng	202.074.208	219.861.172
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.196.972	26.196.972
Chi phí khác	948.940.789	562.699.843
TỔNG CỘNG	<u>3.267.434.663</u>	<u>2.750.254.060</u>

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	7.105.349.050	4.887.267.403
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.370.513.575	2.665.375.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.213.064.197	1.185.568.735
Chi phí vật liệu quản lý	559.122.995	571.160.192
Chi phí khác	2.874.936.290	2.579.049.299
TỔNG CỘNG	<u>15.122.986.107</u>	<u>11.888.420.989</u>

22. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.976.083.043	2.259.087.810
Thu nhập từ bán phế liệu	1.073.201.357	1.611.881.501
Khác	902.881.677	647.206.309
Chi phí khác	<u>(819.219.356)</u>	<u>(958.614.935)</u>
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>1.156.863.678</u>	<u>1.300.472.875</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế TNDN áp dụng là 15% thu nhập chịu thuế cho mười hai (12) năm đầu tiên. Công ty được miễn thuế TNDN trong ba (3) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (là năm 2013), và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN được áp dụng cho Công ty trong bảy (7) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>91.852.897.076</u>	<u>82.907.681.617</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 15% áp dụng cho Công ty	13.777.934.561	12.436.152.243
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	71.372.892	50.655.262
Thuế TNDN được giảm trừ	(6.888.967.281)	-
Thuế TNDN được miễn trừ	-	(12.486.807.505)
Chi phí thuế TNDN	<u>6.960.340.173</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Bán hàng hóa Thuế TTĐB	944.931.508.434 775.449.403.321	- -	- -
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu Chia cổ tức	549.318.191.440 50.376.010.366	395.581.991.508 37.782.007.775	
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Chia cổ tức	1.962.338.193	1.471.753.645	
Công ty TNHH Một thành viên thương mại Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Bên liên quan	Phi đổi vỏ chai Mua nguyên vật liệu Thuế TTĐB	1.707.534.496	5.874.360.441	
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	674.715.000	501.735.000	
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương Ban Giám đốc trong năm như sau:	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	34.200.000	58.683.630	
Chi phí lương và thù lao			<u>3.176.857.537</u>	<u>2.026.941.289</u>	

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng					
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	43.835.031.240	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	50.091.096.880	-
			43.835.031.240	50.091.096.880	
Phải thu ngắn hạn khác					
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Thuế TTĐB và lãi vay	-	146.614.239.871	-
Phải trả ngắn hạn					
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	55.119.710.494	57.797.989.285	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	61.380.000	63.085.054	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	100.000	-	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	74	54	-
			55.181.190.568	57.861.074.339	
Chi phí phải trả ngắn hạn					
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	584.867.198	2.155.135.168	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	939.524.584	939.524.584
Trên 1 – 5 năm	3.758.098.335	3.758.098.335
Trên 5 năm	25.046.159.528	26.001.342.855
TỔNG CỘNG	<u>29.743.782.446</u>	<u>30.698.965.774</u>

Cam kết góp vốn liên quan đến chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có khoản cam kết trị giá VND 44.819.001.818 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.078.975.000) liên quan đến việc chi tiêu xây dựng tài sản cố định.

26. NỢ TIỀM TÀNG

Theo hợp đồng thuê đất không hủy ngang giữa Công ty với Công ty Phát triển Hạ tầng các Khu Công nghiệp Tỉnh Quảng Ngãi, Công ty đang thuê Lô C1-1 trong Khu Công nghiệp Quảng Phú, Tỉnh Quảng Ngãi để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi với thời hạn thuê là 40 năm từ ngày 15 tháng 03 năm 2008, sau khi hết thời hạn thuê, Công ty phải trả lại đất và hạ tầng kỹ thuật cho Khu Công nghiệp. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 và Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty phải lập dự phòng cho chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng sau khi kết thúc hợp đồng thuê. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Giám đốc không thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng do thời gian thuê kéo dài và có nhiều giả định không chắc chắn trong tương lai nên Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ trên vào báo cáo tài chính.

27. HÀNG HÓA NHẬN GIỮ HỘ

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hàng hóa nhận giữ hộ	<u>15.198.821.836</u>	<u>6.518.514.569</u>

28. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia rượu, nước giải khát và doanh thu chủ yếu của Công ty là từ hoạt động này. Đồng thời, trụ sở chính và chi nhánh tạo ra doanh thu của Công ty tọa lạc trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

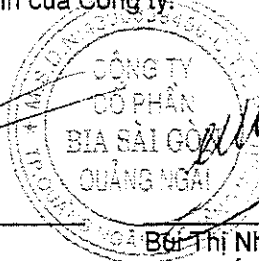
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Văn Thị Thùy Trang
Người lập



Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

Số: .../2017/TTr-HĐQT

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 04 năm 2017

TỜ TRÌNH**V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi;

Căn cứ thông báo số 66/2013/TB-HĐQT ngày 27/3/2013 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty CP Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn về việc thực hiện các cam kết tại Hội nghị Người đại diện quản lý vốn Sabeco.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính thường niên năm 2017 của Công ty là đơn vị kiểm toán BCTC hợp nhất của Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

**Bùi Ngọc Hạnh**

Số: *04*/2017/TTr-HĐQT

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 4 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc Phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2016
và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2017

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 và các chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2017.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2016 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2017 như sau:

1. Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2016:

DVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	Tỷ lệ trích	Thực hiện
1	Lợi nhuận sau thuế		84,892,556,903
2	Trích lập quỹ		15,470,000,000
-	Quỹ đầu tư phát triển	10%	8,489,000,000
-	Quỹ khen thưởng và phúc lợi (3 tháng lương)		4,500,000,000
-	Quỹ công tác xã hội	1%	849,000,000
-	Quỹ khen thưởng cho các đơn vị bên ngoài	1%	849,000,000
-	Khen thưởng vượt kế hoạch HĐQT; BKS và Ban Điều Hành (3% phân lợi nhuận vượt kế hoạch)		783,000,000
3	Lợi nhuận còn lại sau phân phối năm nay		69,422,556,903
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm trước		21,322,682,703
5	Lũy kế lợi nhuận (5 = 3 + 4)		90,745,239,606
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức (15% mệnh giá)		67,500,000,000
7	Lợi nhuận còn lại sau phân phối		23,245,239,606

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017:

STT	Diễn giải	Kế hoạch năm 2017
1	Lợi nhuận trước thuế	63,809,419,582
2	Lợi nhuận sau thuế	59,023,713,113
3	Lợi nhuận phân phối dự kiến năm 2017	59,023,713,113
3.1	Quỹ đầu tư phát triển	7%
3.2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	7%
3.3	Chia cổ tức (10% mệnh giá)	

Lợi nhuận thực hiện sẽ còn phụ thuộc vào sản lượng giao hàng và giá mua nguyên nhiên liệu trong năm. Theo đó các chỉ tiêu phân phối lợi nhuận cũng sẽ thay đổi theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Ngọc Hạnh

Số: 05/2017/TTr-HĐQT

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 04 năm 2017

TỜ TRÌNH**V/v Quyết toán thù lao năm 2016 và
kế hoạch chi trả thù lao năm 2017 của HĐQT, BKS****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi;

Căn cứ quy chế quản lý người đại diện và giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp có vốn góp của SABECO số 84/2011/QĐ-HĐQT ngày 01/11/2011;

Căn cứ Nghị Quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/05/2016 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi về kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2016;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao năm 2016 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2017 cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

1. Quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016:

- Quỹ thù lao của HĐQT : 494.000.000 đồng.
- Quỹ lương, thù lao của Ban kiểm soát : 247.000.000 đồng.
- **Tổng cộng : 741.000.000 đồng**

* Trưởng Ban kiểm soát: từ tháng 01/2016 đến tháng 05/2016 hưởng thù lao, từ tháng 6/2016 trở đi hưởng lương chuyên trách không hưởng thù lao.

2. Kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017:**2.1 Mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:**

- Quỹ thù lao của HĐQT : 494.000.000 đồng.
- Quỹ lương, thù lao của Ban kiểm soát : 312.000.000 đồng.
- **Tổng cộng : 806.000.000 đồng**

2.2 Khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận năm thì được hưởng thêm một tháng thù lao.
- Không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm thì mức thù lao được hưởng sẽ giảm tương ứng theo tỷ lệ phần lợi nhuận giảm.
- Vượt kế hoạch lợi nhuận: được trích thưởng 3% phần lợi nhuận vượt kế hoạch.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

Bùi Ngọc Hạnh

Số: ..06.../2017/TTr-HĐQT

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 04 năm 2017

**BÁO CÁO ĐỀ ÁN NHÂN SỰ
THAM GIA HĐQT, BKS CÔNG TY NHIỆM KỲ 2017-2022****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi;

Căn cứ các văn bản giới thiệu, đề cử ứng viên đề bầu vào HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017-2022.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 danh sách nhân sự đề Đại hội bầu cử vào Hội đồng quản trị (số lượng thành viên trúng cử tối đa 05 người), Ban kiểm soát (số lượng thành viên trúng cử tối đa 03 người):

I. Hội đồng quản trị:

❖ Tổng Công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn sở hữu 29.950.000 cổ phần chiếm 66,56% vốn điều lệ Công ty, giới thiệu:

1. Ông Bùi Ngọc Hạnh
2. Bà Bùi Thị Nhự
3. Ông Trần Nguyên Trung

❖ Nhóm cổ đông do bà Nguyễn Thị Hạnh đại diện sở hữu 3.192.999 cổ phiếu chiếm 7,10% vốn điều lệ Công ty, giới thiệu:

4. Ông Văn Thảo Nguyễn

❖ Nhóm cổ đông do ông Đinh Văn Thuận đại diện sở hữu 2.280.500 cổ phần chiếm 5,06% vốn điều lệ Công ty, giới thiệu:

5. Ông Đinh Văn Thuận

II. Ban kiểm soát:

❖ Tổng Công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn sở hữu 29.950.000 cổ phần chiếm 66,56% vốn điều lệ Công ty, giới thiệu:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa.

❖ Bộ phận quản lý vốn SABECO tại Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi đại diện sở hữu 30.288.600 cổ phần chiếm 67,3% vốn điều lệ Công ty, giới thiệu:

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân.

❖ Ông Trương Quang Vinh đại diện nhóm cổ đông sở hữu 2.256.500 cổ phần chiếm 5,01% vốn điều lệ Công ty, đề cử:

3. Ông Trương Quang Vinh.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thảo luận và thực hiện bầu cử theo quy định ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN – QUẢNG NGÃI

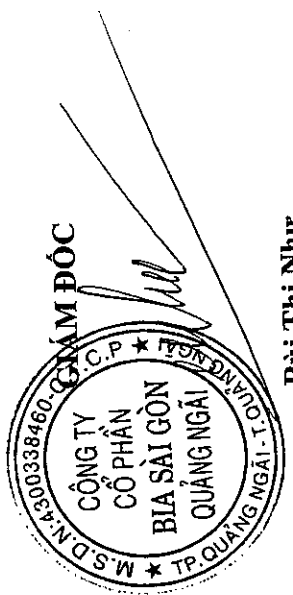
DANH SÁCH TRÍCH NGANG ỨNG CỬ
THAM GIA HĐQT, BKS NHIỆM KỲ 2017-2022.

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác
		Nam	Nữ		
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Bùi Ngọc Hạnh	1959		Cử nhân kinh tế	+ Từ tháng 09/1988 – 12/1996 : Cán bộ phòng Kế toán Công ty Bia Sài Gòn. + Từ tháng 11/1997 – 06/2003 : Phó trưởng phòng Tài Vụ Công ty Bia Sài Gòn. + Từ tháng 07/2003 – 05/2006 : Phó trưởng phòng Kế toán tài chính, Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn. + Từ tháng 25/05/2005 – 01/2008 : Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát, Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn. + Từ năm 2008 đến 03/2014 : Ủy viên thường trực HĐQT Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn. + Từ ngày 27/03/2014 đến 04/2017 : Ủy viên thường trực HĐQT Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn kiêm Người đại diện Quản lý vốn, Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi.
2	Bùi Thị Nhự		1964	Cử nhân kinh tế	+ Năm 1989 – 1993 : Kế toán tổng hợp Công ty Xuất Nhập khẩu tỉnh Quảng Ngãi + Năm 1993 – 1995 : Kế toán tổng hợp – Nhà máy bia Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi.

			<ul style="list-style-type: none"> + Năm 1995 – 2000 + Năm 2001 – 2006 + Tháng 12/2006 – 03/2008 + Tháng 03/2008 – 09/2010 + Tháng 10/2010 – 04/2012 + Tháng 05/2012 – nay + Tháng 09/2012 – nay 	<ul style="list-style-type: none"> : Phó phòng Tài chính – Kế toán – Nhà máy bia Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi. : Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán – Nhà máy bia Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi. : Phụ trách Tài chính – Kế toán – BQLDA CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi. : Kế toán trưởng CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi. : Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng – CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi : Giám đốc – CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi : TV HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi 	<ul style="list-style-type: none"> : Nhân viên phòng kế toán Xí nghiệp Cơ khí Khánh Hội đơn vị thành viên liên hiệp xí nghiệp Rượu Bia NGK. : Nhân viên phòng kế toán Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn. : Phó trưởng phòng kế toán Thống kê thuộc Ban Tài chính Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn. : Điều động giữ chức Phó trưởng phòng tài chính thuộc Ban Tài chính – Kế toán Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn. : Kiểm nhiệm vụ Phụ trách kế toán xí nghiệp Dịch vụ - Kỹ thuật. : Phó trưởng phòng kế toán Thống kê thuộc Ban Tài chính Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn. : Tổ trưởng tổ giúp việc Ban chỉ đạo Phòng chống tham nhũng Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn. : Phó trưởng ban kế toán thống kê Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn.
3	Trần Nguyễn Trung	1967	<ul style="list-style-type: none"> + Từ năm 1989 - 1990 + Từ 1990 – 16/7/2006 + Từ 16/7/2006 + Từ 6/9/2007 + Ngày 15/10/2007 + Ngày 16/06/2008 + Ngày 12/07/2010 + Ngày 16/06/2012 đến nay 	Cử nhân kinh tế	

				<ul style="list-style-type: none"> + Từ tháng 09/2012 – 05/2016 : Trưởng Ban kiểm soát CTCP Bia Sài Gòn–Quảng Ngãi. + Từ tháng 05/2016 đến nay : Thành viên BKS CTCP Bia Sài Gòn–Quảng Ngãi. + Từ năm 1979 – 1985 : Cán bộ Giảng dạy tại Đại học Bách khoa Đà Nẵng. + Từ năm 1985 – 1996 : Phó giám đốc trung tâm nghiên cứu thiết bị áp lực và năng lượng mới, ĐH Bách Khoa Đà Nẵng. + Từ năm 1996 – 2000 : Cán bộ giảng dạy tại Đại học Bách khoa Hà Nội. + Từ năm 2000 – 2010 : Giám đốc trung tâm nghiên cứu ứng dụng, Đại học Bách Khoa Hà Nội. + Từ năm 1996 - 2013 : Tổng giám đốc Công ty Cơ nhiệt điện lạnh Bách khoa (POLYCO). + Từ năm 2013 - 01/2015 : Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Vinh. + Từ năm 2013 đến nay : Chủ tịch HETV Công ty Cơ nhiệt điện lạnh Bách khoa (POLYCO) + Từ năm 2012 đến nay : TV HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi + Từ 2009 đến nay : Phó Tổng Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn Bình Tây. + Từ tháng 2/2016 đến nay : Tổng Giám Đốc CTCP Bao Bì Sabeco Sông Lam. + Từ tháng 3/2016 đến nay : Chủ tịch CT Liên Doanh TNHH CROWN Saigon. + Từ tháng 9/2012 đến nay : TV HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi.
4	Đình Văn Thuận	1954	Giáo sư tiến sỹ Động lực	
5	Văn Tháo Nguyễn	1980	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	
II BAN KIỂM SOÁT				
1	Huỳnh Thị Thùy Nhân	1979	Cử nhân kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> + Năm 2001 đến năm 2002 : Nhân viên Bưu Điện Quảng Ngãi + Năm 2002 – 2005 : Nhân viên tại Nhà máy Sửa Vinasoy và Nhà máy Nước Khoáng Thạch Bích – Công ty Đường Quảng Ngãi + Năm 2005 – 09/2010 : Kế toán Tại Nhà máy Nước Khoáng Thạch Bích - Công ty Đường Quảng Ngãi + Tháng 09/2010 - 05/2015 : Kế toán bán hàng CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi + Tháng 09/2012 - 05/2016 : Thành viên Ban Kiểm Soát CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

			+ Tháng 03/2015 - 05/2016 + Tháng 05/2016 đến nay + Từ tháng 05/2006 - 03/2008 + Từ tháng 04/2006 - 04/2009 + Từ tháng 09/2009 - 08/2011 + Từ tháng 09/2011 - 01/2017 + Từ năm 1998 đến nay + Từ năm 2003 đến nay	: Phó Phòng Kinh Doanh – C.T.C.P Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi. : Trưởng BKS C.T.C.P Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi : Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây dựng Toàn Lộc : Nhân viên Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH ITV Cơ Khí SABECO : Chuyên viên Kế toán tổng hợp Tổng công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn : Tổ trưởng Tổ Kế toán Hợp nhất- Ban Kế toán Thống kê Tổng công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn : Phòng Kinh doanh Công ty CP Đường Quảng Ngãi. : Phó Giám đốc công ty TNHH Kim Bảo An.
2	Nguyễn Văn Hòa	1979	Thạc sĩ Kế toán	
3	Trương Quang Vinh	1974	Quản trị kinh doanh	



Bùi Thị Nhựt

LẬP BIỂU

Văn Thị Thùy Trang

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 04 năm 2017

**QUY CHẾ BẦU CỬ THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT TẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi.

Quy chế đề cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi năm 2017 như sau:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Điều 2. Giải thích thuật ngữ/ từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi.
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban kiểm soát.
- BTC : Ban tổ chức.
- ĐHĐCĐ (hoặc Đại hội): Đại hội đồng cổ đông.
- Cổ đông : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền).

Điều 3. Quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

1. **Số lượng thành viên HĐQT:** 05 người. Trong đó, phải có ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
2. **Nhiệm kỳ:** 05 năm.
3. **Số lượng ứng cử viên HĐQT:** không hạn chế.
4. **Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:**
 - a. *Ứng cử viên tham gia HĐQT phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (Điều 151 Luật doanh nghiệp):*
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

- Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

b. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau: (theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư 121/2012/TT-BTC)

- Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

- Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát;

- Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của công ty;

- Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;

- Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.

5. Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT: (theo khoản 2 Điều 28 Điều lệ Công ty)

Các cổ đông nắm giữ bằng hoặc nhỏ hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 70% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 70% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Lưu ý: ứng cử viên được đề cử phải thỏa mãn các tiêu chuẩn tại khoản 4 Điều 3 quy chế này.

Điều 4. Quy định về đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

1. Số lượng thành viên BKS: 03 người.

2. Nhiệm kỳ: 05 năm.

3. Số lượng ứng cử viên BKS: Không hạn chế.

4. Tiêu chuẩn ứng cử viên BKS: (theo điều 164 Luật Doanh nghiệp)

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
- Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

5. Quyền đề cử, ứng cử thành viên BKS: (căn cứ khoản 2 Điều 36 Điều lệ Công ty)

Các cổ đông nắm giữ bằng hoặc nhỏ hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Lưu ý: ứng cử viên được đề cử phải thỏa mãn các tiêu chuẩn tại khoản 4 Điều 4 quy chế này.

Điều 5. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT và BKS:

Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn ứng cử/ đề cử để bầu vào HĐQT hoặc BKS (theo mẫu).
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu)
- Bản sao công chứng các giấy tờ sau: CMND/Hộ chiếu, Hộ khẩu thường trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

Các biểu mẫu trên đã được Công ty đăng tải trên website: www.sabecoquangngai.com.vn.

Người đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT, BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Hồ sơ gửi về Công ty trước 16 giờ ngày 07/04/2017 theo địa chỉ sau:

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Quảng Phú – Tp. Quảng Ngãi.

Điều 6. Phương thức bầu cử:

- Biểu quyết bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.
- Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu.
- Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên

Điều 7. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ đính kèm của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện qui định để bầu vào HĐQT, BKS.

- Danh sách ứng cử viên HĐQT và BKS được ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo mã số tham dự.

- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác.

- Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.

3. Hướng dẫn hình thức bầu dồn phiếu

- Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc 1 phần tổng số phiếu bầu của mình cho từ 1 đến 5 ứng viên, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng viên nào. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên cộng lại không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần I – Thông tin cổ đông.

- Số phiếu bầu cho mỗi ứng viên có thể khác nhau tùy theo sự tín nhiệm của người bầu đối với ứng viên.

4. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không theo mẫu quy định của công ty, không có dấu của Công ty.

- Phiếu gạch, xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Hội đồng quản trị thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

- Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

- Không có chữ ký của cổ đông tham dự.

Điều 8. Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông có mặt tại Đại hội cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 9. Nguyên tắc trúng cử

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát phải đạt >51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại quy chế này.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 10. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: tổng số cổ đông tham dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu.

Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 11: Điều khoản chung

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản của Đại hội.

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Trên đây là toàn bộ Quy chế đề cử, bầu cử thành viên HĐQT và BKS Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2017-2022 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017. Quy chế này được đọc công khai trước ĐHĐCĐ để biểu quyết thông qua.

TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Bùi Ngọc Hạnh

Tp Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 04 năm 2017

HƯỚNG DẪN PHƯƠNG THỨC BẦU DÒN PHIẾU

1. Quy định về việc bầu đôn phiếu

Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHCD) được tiến hành theo nguyên tắc bầu đôn phiếu, trong đó cổ đông có quyền sử dụng tổng số quyền bầu cử của mình cho một ứng cử viên; hoặc một số ứng cử viên với số lượng bầu cho mỗi ứng cử viên không bắt buộc phải bằng nhau; hoặc chỉ bầu một phần tổng số quyền bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần quyền bầu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào. Số lượng ứng viên được bầu trong mỗi phiếu không được vượt quá số lượng tối đa được phép bầu.

2. Cách thức bầu :

a) Xác định tổng số quyền bầu cử của 1 cổ đông (hoặc đại diện cổ đông):

Tổng số quyền bầu cử của cổ đông/ đại diện cổ đông được xác định theo công thức sau :

$$\boxed{\text{Tổng số quyền bầu cử}} = \boxed{\text{Tổng số cổ phần nắm giữ hoặc đại diện}} * \boxed{\text{Số thành viên được bầu}}$$

Ví dụ:

Số lượng thành viên bầu vào HĐQT là 5 người, vào BKS là 3 người.

Ông X là cổ đông nắm giữ 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

Như vậy, quyền bầu cử HĐQT của ông X là $(1.000 * 5) = 5.000$ phiếu và quyền bầu cử BKS là $(1.000 * 3) = 3.000$ phiếu.

b) Cách thức bỏ phiếu :

Việc bầu cử là phân phối toàn bộ hoặc một phần tổng số quyền bầu cử của mình cho một hoặc một số ứng viên, trong đó số lượng phân phối cho mỗi ứng viên có thể khác nhau, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng viên đó.

Theo ví dụ trên, khi bầu cử HĐQT, ông X chia tổng số quyền bầu cử của mình là 5.000 phiếu cho các ứng viên, chẳng hạn:

TT	Danh sách ứng viên	Số phiếu bầu
1	Nguyễn Văn A	500
2	Trần Văn B	1.200
3	Lê Văn C	3.000
4	Phạm Văn D	
5	Phan Văn F	300
	Tổng cộng	5.000

Lưu ý :

- Ông X có thể chỉ sử dụng ít hơn 5.000 quyền bầu để bầu cho các ứng viên. Nếu dùng quá 5.000 phiếu bầu là phiếu không hợp lệ.

- Trên mỗi phiếu bầu có ghi rõ tổng số quyền bầu của người cầm phiếu. Số này trên từng phiếu là khác nhau tùy theo số cổ phần có quyền biểu quyết hiện đang nắm giữ hoặc đại diện. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không được vượt quá số này.

3. Phiếu bầu không hợp lệ :

Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu bầu vi phạm một trong số các điều kiện sau :

- Không do Ban tổ chức phát hành, không đóng dấu Công ty.
- Phiếu bầu có tổng số quyền bầu cử đã bầu cho các ứng viên (do người bầu tự cộng) lớn hơn tổng số quyền được bầu.
- Phiếu bầu ghi tổng số quyền đã bầu bị cộng sai mà ban kiểm phiếu cộng lại lớn hơn tổng số quyền được bầu.
- Phiếu bầu tự ý ghi thêm tên người ngoài danh sách đã in sẵn hoặc gạch xóa vào phiếu (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới).

4. Người trúng cử :

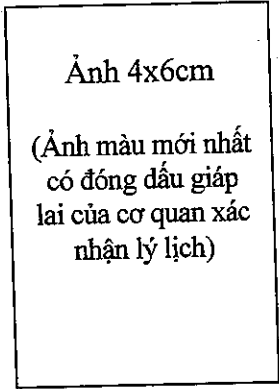
- Người trúng cử phải đạt được số phiếu hợp lệ tương ứng với ít nhất 1 quyền bầu cử của tất cả cổ đông dự họp; và được nhiều phiếu hơn tính theo thứ tự số phiếu đạt được từ cao xuống thấp đến tối đa số người trúng cử theo qui định.
- Nếu có nhiều ứng viên ngang số phiếu bầu làm cho việc chọn ra đủ số cần bầu không thực hiện được thì số ứng viên đó phải bầu lại để chọn ra số còn thiếu sau khi các ứng viên có số phiếu cao hơn đã được trúng cử. Việc bầu lại cũng vẫn theo nguyên tắc bầu dồn phiếu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên:
2. Giới tính: Nam Nữ
3. Ngày tháng năm sinh:
4. Nơi sinh:
5. Quốc tịch:
6. Dân tộc:
7. Số CMND: Ngày cấp: Nơi cấp:
8. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu:
9. Địa chỉ thường trú hiện nay:
10. Số điện thoại liên lạc:
11. Trình độ chuyên môn:
12. Quá trình công tác (nêu tóm tắt năm công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
13. Chức vụ công tác hiện nay:
14. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
15. Số cổ phần bản thân nắm giữ: cổ phần, chiếm tỷ lệ% vốn điều lệ.
16. Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: cổ phần, chiếm tỷ lệ% vốn điều lệ.
17. Các khoản nợ đối với Công ty:
18. Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích công ty:



Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn chính xác và trung thực, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận

(của cơ quan nơi cá nhân làm việc hoặc UBND xã, phường nơi đăng ký hộ khẩu thường trú nếu không làm việc tại pháp nhân)

..., ngày ... tháng ... năm 2017

Người khai
(ký, ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: KCN Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.

Tel: +84.55.6250905; 6250906 Fax: +84.55.6250910

Email: beer@sabecoquangngai.com.vn; Website: www.sabecoquangngai.com.vn

GCN ĐKKD số 4300338460 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 01/11/2012

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2017-2022**

Kính gửi: Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

Tôi tên là:.....

CMND/Hộ chiếu/ ĐKKD số:Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Số lượng cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017):.....

Số lượng cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017):.....

Đề nghị Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi cho tôi được tự đề cử vào Hội đồng quản trị của Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2017-2022.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi.

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bản sao: CMND/Hộ chiếu, Hộ khẩu thường trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ chuyên môn.

....., ngàytháng.....năm 2017

Người ứng cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: KCN Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.

Tel: +84.55.6250905; 6250906 Fax: +84.55.6250910

Email: beer@sabecoquangngai.com.vn; Website: www.sabecoquangngai.com.vn

GCN ĐKKD số 4300338460 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 01/11/2012

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2017-2022**

Kính gửi: Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

Họ và tên cổ đông.....

CMND/Hộ chiếu/ ĐKKD số:Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):.....

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017):.....

Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017):.....

Đề nghị Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi cho tôi đề cử ông/ bà sau làm ứng viên tham gia bầu cử vào Hội đồng quản trị của Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2017-2022.

Ông/bà:.....

CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bản sao: CMND/Hộ chiếu, Hộ khẩu thường trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ chuyên môn.

....., ngày.....tháng....năm 2017

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: KCN Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.

Tel: +84.55.6250905; 6250906 Fax: +84.55.6250910

Email: beer@sabecoquangngai.com.vn; Website: www.sabecoquangngai.com.vn

GCN ĐKKD số 4300338460 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 01/11/2012

**BIÊN BẢN HỌP NHÓM CỔ ĐÔNG
ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2017-2022**

Kính gửi: Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi;
- Căn cứ Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2017-2022.

Hôm nay, ngàytháng.....năm 2017 tại....., chúng tôi là những cổ đông của Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi, cùng nhau nắm giữ.....cổ phần (bằng chữ:.....cổ phần) chiếm tỷ lệ.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Tên cổ đông	CMND/Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ thường trú	Số CP sở hữu/đại diện	Ký và ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu là tổ chức)
1					
2					

Cùng nhất trí đề cử ứng viên sau đây tham gia Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2017-2022 tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 như sau:

Ông/bà:.....

CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bản sao: CMND/Hộ chiếu, Hộ khẩu thường trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ chuyên môn.

....., ngày.....tháng....năm 2017

Đại diện nhóm đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2017-2022**

Kính gửi: Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

Tôi tên là:.....

CMND/Hộ chiếu/ ĐKKD số: Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017):.....

Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017):.....

Đề nghị Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi cho tôi được tự đề cử vào Ban kiểm soát của Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2017-2022.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban kiểm soát Công ty tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bản sao công chứng: CMND/Hộ chiếu, Hộ khẩu thường trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

....., ngày.....tháng....năm 2017

Người ứng cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: KCN Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.

Tel: +84.55.6250905; 6250906 Fax: +84.55.6250910

Email: beer@sabecoquangngai.com.vn; Website: www.sabecoquangngai.com.vn

GCN ĐKKD số 4300338460 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 01/11/2012

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2017-2022**

Kính gửi: Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

Họ và tên cổ đông.....

CMND/Hộ chiếu/ ĐKKD số:Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):.....

Số lượng cổ phần sở hữu/ đại diện (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017):.....

Số lượng cổ phần sở hữu/ đại diện liên tục 06 tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017):.....

Đề nghị Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi cho tôi đề cử ông/ bà sau làm ứng viên tham gia bầu cử vào Ban kiểm soát của Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2017-2022.

Ông/bà:.....

CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bản sao: CMND/Hộ chiếu, Hộ khẩu thường trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ chuyên môn.

....., ngày.....tháng....năm 2017

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: KCN Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.

Tel: +84.55.6250905; 6250906 Fax: +84.55.6250910

Email: beer@sabecoquangngai.com.vn; Website: www.sabecoquangngai.com.vn

GCN ĐKKD số 4300338460 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 01/11/2012

**BIÊN BẢN HỢP NHÓM CỔ ĐÔNG
ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2017-2022**

Kính gửi: Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi;
- Căn cứ Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2017-2022.

Hôm nay, ngàytháng.....năm 2017 tại....., chúng tôi là những cổ đông của Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi, cùng nhau nắm giữ.....cổ phần (bằng chữ:.....cổ phần) chiếm tỷ lệ.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Tên cổ đông	CMND/Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ thường trú	Số CP sở hữu/đại diện	Ký và ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu là tổ chức)
1					
2					

Cùng nhất trí đề cử ứng viên sau đây tham gia Ban kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2017-2022 tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 như sau:

Ông/bà:.....

CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bản sao: CMND/Hộ chiếu, Hộ khẩu thường trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ chuyên môn.

....., ngày.....tháng....năm 2017

Đại diện nhóm đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 04 năm 2017

QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017 CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Đại hội) quyết định thông qua Quy chế tổ chức Đại hội như sau:

ĐIỀU 1: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

ĐIỀU 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI

1. Cổ đông có quyền tham dự, thảo luận, và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội, một cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cổ đông không có điều kiện trực tiếp đến tham dự Đại hội thì cổ đông có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mặt mình tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề tại Đại hội. Người được ủy quyền thay mặt cổ đông/ nhóm cổ đông có quyền thảo luận và biểu quyết tại Đại hội theo quy định.
3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội trước khi cuộc họp khai mạc phải thực hiện thủ tục đăng ký tư cách cổ đông tham dự Đại hội với Ban tổ chức, nhận tài liệu, thẻ biểu quyết tại bàn tiếp đón, khi vào hội trường cổ đông phải ngồi theo đúng vị trí do Ban tổ chức sắp xếp.
4. Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
5. Cổ đông phải nghiêm túc chấp hành Nội quy của Đại hội trong suốt thời gian diễn ra Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và mọi sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ TỌA

1. Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;
2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội:
 - Chủ trì Đại hội, quyết định trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi.
 - Hướng dẫn Đại hội thảo luận nội dung các báo cáo, tờ trình và kết luận các vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
 - Trả lời hoặc cử cán bộ quản lý có liên quan trả lời các vấn đề do Đại hội yêu cầu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thời gian Đại hội diễn ra.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

1. Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định.
2. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp Đại hội theo sự phân công của Chủ tọa, tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu ý kiến của cổ đông, ghi chép, phản ánh trung thực, chính xác toàn bộ nội dung của Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội do Ban tổ chức Đại hội cử.
2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm tra các loại giấy tờ chứng minh tư cách cổ đông của cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền thay mặt cổ đông tham dự Đại hội. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước Đại hội.
3. Trường hợp người đến dự Đại hội không chứng minh được đầy đủ tư cách cổ đông tham dự Đại hội Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp thẻ, phiếu biểu quyết và tài liệu họp.

ĐIỀU 6: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Đại hội sẽ tiến hành lần lượt theo nội dung chương trình do Chủ tọa công bố và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐIỀU 7: BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Những ý kiến, kiến nghị của các cổ đông được thảo luận công khai và biểu quyết dưới hình thức giơ thẻ biểu quyết tại Đại hội. Một vấn đề được biểu quyết thông qua khi tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết đạt 51% (tỷ lệ này là 51% hoặc 65% tùy từng nội dung vấn đề theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
2. Mỗi cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền sẽ được cấp thẻ và phiếu biểu quyết, trong đó có ghi tên, mã số cổ đông tham dự Đại hội và số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để đồng ý, hoặc không đồng ý, hoặc có ý kiến khác cho một vấn đề phải thông qua trong Đại hội

bằng cách giơ cao thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa.

4. Ghi nhận kết quả biểu quyết của cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền, được thực hiện bởi Ban Thư ký.

ĐIỀU 8: PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Các cổ đông hoặc Người đại diện được ủy tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến có thể giơ tay hoặc ghi nội dung vào giấy và gửi cho Ban Thư ký để trình Chủ tọa và được chấp thuận của Chủ tọa.
2. Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với chương trình Đại hội.

ĐIỀU 9: BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Ban Thư ký ghi vào Biên bản của Đại hội.
2. Biên bản và Nghị quyết Đại hội phải được thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu tại trụ sở chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi.

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi này được trình bày trước Đại hội và thông qua khi được sự chấp thuận của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Bùi Ngọc Hạnh